

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 102/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1999; Nơi thường trú: Thôn M, xã C, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: 033099008211, ngày cấp 20/07/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

- Chị **Đỗ Thị Lan A**, sinh năm 2006; Nơi thường trú: Thôn M, xã C, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: 033306002934, ngày cấp 03/05/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Lan A và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là xã C, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 25/6/2024. Quá trình chung sống, hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2025 cho đến nay. Chị A và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[2] Về con chung: Chị A và anh T có 01 con chung là cháu Lê Nhật M, sinh ngày 10/9/2024. Chị A và anh T thỏa thuận giao cháu Lê Nhật M cho anh T

tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của anh, chị không trái pháp luật nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Chị A và anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị A và anh T tự nguyện nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Lan A và anh Lê Văn T.

- Về con chung: Chị A và anh T có 01 con chung là cháu Lê Nhật M, sinh ngày 10/9/2024. Chị A và anh T thỏa thuận giao cháu Lê Nhật M cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị Anh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Chị A và anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn T tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001271 ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng TT,Kr, THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND + Phòng THADS khu vực 3 - Hưng Yên;
- UBND xã Châu Ninh (GCN số 35, ngày 25/6/2024 của UBND xã Tứ Dân cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyền

